

Số: 18/2025/QĐST-HNGĐ

B, ngày 19 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- B, TỈNH B

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thúy Hà

2. Bà Lò Thị Hiêng

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235, 246 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Hồng N; Nơi cư trú: Bản H, xã N, thành phố Đ, tỉnh B. Chỗ ở hiện nay: Số nhà 86b, tổ 4, phường T, thành phố Đ (Nay là phường Đ), tỉnh B.

- *Bị đơn*: Anh Cà Văn K; Địa chỉ: Bản H, xã N, thành phố Đ, tỉnh B. Chỗ ở hiện nay: Số nhà 171, tổ dân phố 12, phường M, thành phố Đ (nay là phường Đ), tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Hồng N và anh Cà Văn K thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Trần Hồng N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Cà Trâm A, sinh ngày 08/01/2014 đến khi cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000

đồng/ 01 tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng từ khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp anh K chậm nghĩa vụ cấp dưỡng, anh K không phải trả lãi đối với người chậm nghĩa vụ cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0000022 ngày 29/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh B. Chị N đã nộp đủ án phí. Anh Cà Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực I – B;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Bình,
tỉnh Yên Bái (Nơi đăng ký kết hôn);
- TAND tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thúy Thành